

Bản án số: 97/2021/HC-PT  
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Anh Tài;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hải Thanh;  
Ông Đặng Văn Hưng.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên

Ngày 30, 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 193/2020/TLPT-HC ngày 19/3/2020 về việc “khởi kiện quyết định hành chính”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2442/2021/QĐPT ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Bà Cấn Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 18, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Bà Nguyễn Việt Hà; địa chỉ: tổ 11, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt;

**\* Người bị kiện:** BX tỉnh Hà Giang; địa chỉ: tổ 21, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Thị Thanh H - Chức vụ: Giám đốc BX tỉnh Hà Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Mai Quang H - Chức vụ: Phó Giám đốc BX tỉnh Hà Giang. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của người khởi kiện bà Cấn Thị T trình bày:*

Bà có thời gian công tác tại Nông trường C(sau này là Công ty Chè L), huyện V, tỉnh Hà Giang từ tháng 6/1985 đến năm 2005 thì Công ty Cgiải thể, do thời gian công tác của bà chưa đủ nên bà chuyển về Công ty TNHH K. Năm 2011, Công ty TNHH Kgiải thể, bà lại tiếp tục chuyển về làm công nhân tại Công ty TNHH B, huyện V, tỉnh Hà Giang. Bản thân bà đã đóng BX bắt buộc với thời gian là 20 năm 0 tháng.

Ngày 03/01/2018, BX (BX) tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 28/QĐ-BX về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng đối với bà (kể từ ngày 03/01/2018). Tuy nhiên, đến ngày 27/02/2019 BX tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 278/QĐ-BX về việc tạm dừng hưởng chế độ BX hàng tháng (kể từ tháng 3/2019) với lý do: *Có căn cứ xác định việc hưởng chế độ hưu trí không đúng quy định của pháp luật*. Ngày 12/3/2019, bà T có đơn khiếu nại Quyết định số 278/QĐ-BX ngày 27/02/2019 với lý do: BX tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định nêu trên là vi phạm pháp luật vì bà có đầy đủ giấy tờ, hồ sơ nên mới được BX tỉnh Hà Giang giải quyết chế độ hưu trí.

Ngày 19/4/2019, BX tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 91/QĐ-BX về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Cấn Thị T đã quyết định: Giữ nguyên Quyết định số 278/QĐ-BX ngày 27/02/2019 về việc tạm dừng hưởng chế độ hưu trí hàng tháng đối với bà Cấn Thị T. Ngày 10/5/2019, BX tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 559/QĐ-BX về việc chấm dứt hưởng BX hàng tháng đối với bà Cấn Thị T (kể từ ngày 01/3/2019) với lý do chấm dứt: *Có căn cứ xác định việc hưởng BX không đúng quy định của pháp luật*.

Bà Cấn Thị T cho rằng việc BX tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 278/QĐ-BX ngày 27/02/2019 về việc tạm dừng hưởng chế độ BX hàng tháng và Quyết định số 559/QĐ-BX ngày 10/5/2019 về việc chấm dứt hưởng chế độ BX hàng tháng đối với bà là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Vì vậy, bà Cấn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 278/QĐ-BX ngày 27/02/2019 và Quyết định số 559/QĐ-BX ngày 10/5/2019 của BX tỉnh Hà Giang.

\* *Tại Văn bản số 773/BX-TTKT ngày 24/6/2019, người bị kiện là BX tỉnh Hà Giang trình bày:*

Ngày 30/10/2018, BX tỉnh Hà Giang nhận được Công văn số 3757/CV-CAT (PC03) của Công an tỉnh Hà Giang về việc đề nghị thanh tra, kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ hưởng chế độ BX (các văn bản có dấu “MẬT”) nêu: *Căn cứ kết quả điều tra, xác minh, kết quả trưng cầu giám định tài liệu trong 05 hồ sơ đang hưởng chế độ hưu trí tại huyện V xác định: 01 số tài liệu có trong 05 hồ sơ là những tài liệu được làm giả, đề nghị BX tỉnh Hà Giang tiến hành thanh tra, kiểm tra quá trình đóng BX của 05 trường hợp và 05 hồ sơ hưởng chế độ BX có đúng pháp luật về BX không?*

BX tỉnh Hà Giang xác định đây là vấn đề nghiêm trọng, phức tạp nên đã báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của BX Việt Nam. Từ ngày 19 đến ngày 25/12/2018, Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 2519/QĐ-BX ngày 12/12/2018 của Tổng Giám đốc BX Việt Nam đã tiến hành làm việc tại BX tỉnh Hà Giang, nội dung kiểm tra công tác thu, cộng nổi thời gian công tác, cấp sổ BX và giải quyết chế độ hưu trí đối với 05 trường hợp theo Công văn số 3757/CV-CAT (PC03) ngày 30/10/2018 của Công an tỉnh Hà Giang.

Tại Kết luận số 374/KL-BX ngày 01/02/2019 của BX Việt Nam đã nhận định và kết luận: *BX tỉnh Hà Giang xét duyệt, cộng nổi thời gian công tác cho 05 đối tượng nêu trên là chưa đủ cơ sở*. Yêu cầu BX tỉnh Hà Giang triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Tạm dừng chi trả chế độ hưu trí cho 05 đối tượng là: Cán Thị T; Nguyễn Thị Duyên; Nguyễn Văn Đức; Trần Đức Dậu và Vũ Thị Yên.

2. Phối hợp với Công an tỉnh Hà Giang và các cơ quan liên quan xác định tính pháp lý của các hồ sơ, tài liệu. Nếu không đủ căn cứ, điều kiện được hưởng theo quy định thì chấm dứt hưởng chế độ hưu trí đối với 05 trường hợp nêu trên theo quy định của Luật BX.

Thực hiện Kết luận số 374/KL-BX. Ngày 27/02/2019, BX tỉnh Hà Giang ra quyết định tạm dừng hưởng chế độ hưu trí đối với 05 trường hợp nêu trên (*trong đó có bà Cán Thị T*) kể từ ngày 01/3/2019.

Ngày 18/4/2019, BX tỉnh Hà Giang có văn bản đề nghị Công an tỉnh Hà Giang cung cấp thông tin đến kết quả điều tra, xác minh, kết quả trưng cầu giám định tài liệu trong 05 hồ sơ của 05 đối tượng nêu trên. Ngày 24/4/2019, Công an tỉnh Hà Giang có Văn bản số 135/CV-CSĐT trao đổi với BX tỉnh về kết quả điều tra, xác minh liên quan đến 05 đối tượng hưởng chế độ hưu trí.

Ngày 24/4/2019, BX tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 97/QĐ-BX về việc thành lập tổ công tác để thẩm định, xác minh, xác định lại thời gian tính hưởng, điều kiện hưởng BX của 05 đối tượng nêu trên.

Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xem xét, thấy rằng bà Cán Thị T không đủ cơ sở để tính thời gian công tác, do đó bà T không được hưởng chế độ hưu trí theo quy định. Vì vậy, ngày 10/5/2019 BX ban hành Quyết định số 559/QĐ-BX về việc chấm dứt hưởng chế độ BX hàng tháng đối với bà Cán Thị T và thu hồi số tiền đã chi trả theo Quyết định số 28/QĐ-BX ngày 03/01/2018 của Giám đốc BX tỉnh Hà Giang về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/02/2019, gồm: Lương hưu hàng tháng là 21.273.800 đồng; trợ cấp khu vực 1 lần là 10.042.500 đồng. Tổng cộng là: 31.316.300 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm mười sáu nghìn ba trăm đồng) là đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại. Qua đối thoại, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 278/QĐ-BX ngày 27/02/2019 của BX tỉnh Hà Giang về việc tạm dừng hưởng chế độ BX hàng tháng và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 559/QĐ-BX ngày 10/5/2019 của BX tỉnh Hà Giang. Người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm, không nhất trí với yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 559/QĐ-BX ngày 10/5/2019 của BX tỉnh Hà Giang.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định: Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 64 và Điều 93 Luật BX; khoản 3 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BX về BX bắt buộc; Điều 11 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; khoản 2 Điều 34 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BX về BX bắt buộc; điểm đ Điều 2 Quyết định số 1414/QĐ-BX ngày 04/10/2016 của Tổng Giám đốc BX Việt Nam; Quyết định số 595/QĐ-BX ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc BX Việt Nam quy định về quy trình thu BX, BHYT, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ BX, thẻ BHYT.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Cấn Thị T về việc hủy Quyết định số 559/QĐ-BX ngày 10/5/2019 của BX tỉnh Hà Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2020, người khởi kiện là bà Cấn Thị T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Cấn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bà T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng: căn cứ vào các giấy tờ thể hiện, bà T có thời gian công tác từ tháng 6/1985 đến tháng 12/1996 tại Công ty C(thời gian đóng BX là 11 năm 06 tháng); Từ tháng 10/2007 đến tháng 4/2010 làm việc tại Công ty K; Từ tháng 02/2011 đến tháng 11/2016 làm việc tại Công ty B; do chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm bắt buộc, BX tỉnh Hà Giang hướng dẫn bà T tiếp tục đóng BX 01 lần từ tháng 12/2016 đến tháng 11/2020 với số tiền 30.000.000 đồng (có phiếu thu tiền). Như vậy, bà T có tổng thời gian đóng BX là 20 năm 07 tháng nên đủ điều kiện được hưởng lương hưu. BX tỉnh Hà Giang không cho bà T được hưởng chế độ lương hưu là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T.

Người bị kiện trình bày: Bà T không có hồ sơ gốc để chứng minh quá trình công tác như: Hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng... Không chứng

minh được thời gian kết thúc làm việc tại Công ty Chè L. Sổ BX lần đầu cấp năm 2008 cho bà T thì thời gian đóng BX ở Công ty K và B được cộng nối thời gian công tác ở Công ty Chè L. Tháng 5/2012 bà T báo mất sổ BX nên BX đã cấp lại sổ BX lần 2 cho bà T. Với tài liệu mà chúng tôi thẩm tra, xác minh chưa đủ căn cứ để xác định được thời gian công tác và đóng BX từ năm 1985 đến năm 1993 của bà T. Việc BX hướng dẫn bà T nộp tiền là có thật vì trước đây nếu xác định hồ sơ của bà T không bị làm giả thì bà T còn thiếu gần 04 năm (từ tháng 12/2016 đến tháng 11/2020) thì bà T mới đủ thời gian đóng BX để được hưởng lương hưu nên chúng tôi đã hướng dẫn và thu tiền 30 triệu đồng của bà T. Nay có căn cứ xác định hồ sơ của bà T bị làm giả nên BX tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định số 559 là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà T trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 08/5/2019, bà Cán Thị T nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 278/QĐ-BX ngày 27/8/2019 và Quyết định số 559/QĐ-BX ngày 10/5/2019 của BX tỉnh Hà Giang, là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực BX nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Quá trình giải quyết vụ án, tại cấp sơ thẩm bà Cán Thị T rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 278/QĐ-BX, chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 559/QĐ-BX. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xem xét, giải quyết đối với Quyết định số 559/QĐ-BX là có căn cứ.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Cán Thị T và đại diện theo ủy quyền của bà T xuất trình 02 văn bản (trong đó xác định 01 văn bản bị cháy rách và 01 danh sách khen thưởng năm 1992 bị tẩy xóa, sửa chữa). Theo BX tỉnh Hà Giang trình bày, nếu có căn cứ cho rằng 02 tài liệu trên là thật thì hồ sơ của bà T cũng

không đủ căn cứ để được BX chấp nhận cho hưởng lương hưu vì các tài liệu này không có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử thấy, các tài liệu này đã được đương sự cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tài liệu này bị rách nát, tẩy xóa nên Hội đồng xét xử không xem xét và đánh giá giá trị pháp lý của các tài liệu này.

[3]. Xét kháng cáo của bà Cấn Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 559/QĐ-BX ngày 10/5/2019 của BX tỉnh Hà Giang, thấy:

Bà T được BX tỉnh Hà Giang xác định có thời gian công tác tại Công ty Cừu tháng 6/1985 đến tháng 12/1993, sau đó có thời gian làm việc tại Công ty K và Công ty B, huyện V, tỉnh Hà Giang. Cộng các thời gian công tác trước ngày 01/01/1995 (thời gian theo quy định người lao động được xác định đã đóng BX) và khoảng thời gian bà T làm việc và đóng BX tại Công ty K và Công ty B là 17 năm bà T đóng BX. Bà T tự nguyện nộp thêm 03 năm BX để đủ thời gian đóng 20 năm BX. Do đó, ngày 03/01/2018 BX tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 28/QĐ-BX về việc bà T được hưởng chế độ lương hưu hàng tháng kể từ ngày 03/01/2018. Ngày 10/5/2019, BX tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 559/QĐ-BX về việc chấm dứt hưởng chế độ BX hàng tháng đối với bà Cấn Thị T.

[3.1]. Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định số 559/QĐ-BX ngày 10/5/2019 của BX tỉnh Hà Giang được ban hành đúng thẩm quyền, quy định tại Điều 93 Luật BX; Quyết định số 1414/QĐ-BX ngày 04/10/2016 của Tổng Giám đốc BX Việt Nam quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức của BX địa phương; trình tự, thủ tục ban hành quyết định phù hợp với Quyết định số 888/QĐ-BX ngày 08/8/2013 của BX Việt Nam; thể thức, hình thức văn bản phù hợp với quy định của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ.

[3.2]. Về việc chấm dứt hưởng chế độ BX hàng tháng của Bà T.

Tại Kết luận số 374/KL-BX ngày 01/02/2019 của BX Việt Nam nêu: Thành phần hồ sơ làm căn cứ xét duyệt, cộng nối thời gian không đúng, đủ quy định tại Thông tư số 19/TT- BLĐTBXH ngày 23/9/2008 của Bộ Lao động thương binh và xã hội sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2007/TT- BLCĐTBXH ngày 30/01/2007 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật BX về BX bắt buộc; hồ sơ, lý lịch do 05 đối tượng cung cấp (trong đó có bà Cấn Thị T) chủ yếu là bản phô tô không phải là bản gốc, nhiều dấu hiệu bất hợp lý về thể thức văn bản hành chính tại Công văn số 241/CV ngày 20/9/2008 do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hà Giang xác nhận. Việc BX tỉnh Hà Giang căn cứ vào Biên bản họp tư vấn về việc bảo lưu thời gian đóng BX của người lao động tại Công ty C ngày 25/6/2009 giữa Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Giang, Sở Tài chính, BX tỉnh Hà Giang, Sở Nội vụ và Nguyên lãnh đạo đã từng

công tác tại Công ty C không phải là văn bản pháp lý để tính thời gian công tác từ tháng 12/1993 trở về trước.

Tại Văn bản số 57/TC-CTY ngày 22/7/1997 của Công ty Về danh sách các công nhân chè được chốt BX không có tên bà Cấn Thị T và bà T không có tên trong danh sách lao động của Công ty Ctính đến ngày 31/12/1994 và trước ngày 01/01/1995. Tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BX về BX bắt buộc quy định: “3. *Người lao động làm việc thuộc khu vực nhà nước nghỉ chờ việc từ ngày 01/11/1987 đến trước ngày 01/01/1995 thì doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức không sắp xếp bố trí được việc làm, chưa giải quyết trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp BX một lần tính đến ngày 31/12/1994 vẫn có tên trong danh sách lao động của đơn vị thì được tính thời gian công tác trước khi nghỉ chờ việc để tính hưởng BX*”.

Tại Bảng kê quá trình làm việc của người lao động ngày 25/01/2005 của Chi cục Thuế huyện V (có chữ ký của ông Lê Thế Bảo khi đó là Phó chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện V). Qua xác minh ông Bảo (BL 137) cho biết: “*Tôi làm Phó chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện V từ năm 2002 đến năm 2007, tôi không ký bất cứ tài liệu gì liên quan đến việc xác nhận quá trình công tác cho công nhân Công ty chè - cà phê L*”.

Tại Biên bản thẩm định hồ sơ ngày 17/7/2012 (BL 97) thể hiện: Bà Cấn Thị T không đủ giấy tờ để chứng minh là đối tượng nghỉ chờ việc trước tháng 01/1995. Do vậy, chưa có cơ sở để tính thời gian công tác của bà T từ tháng 6/1985 đến năm 2005.

Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư quy định: “1. *Bản sao y bản chính, bản trích sao và bản sao lục.*

2. *Thể thức văn bản được quy định như sau: Hình thức sao, sao y bản chính hoặc trích sao, sao lục; tên cơ quan, tổ chức sao văn bản, số, ký hiệu bản sao, địa danh và ngày tháng năm sao; chức vụ, họ tên và chữ ký của người có thẩm quyền; dấu của cơ quan, tổ chức sao văn bản; nơi nhận.*

3. *Bản sao y bản chính, bản trích sao và bản sao lục được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định này có giá trị pháp lý như bản chính.*

4. *Bản sao chụp cả dấu và chữ ký của văn bản không được thực hiện theo đúng thể thức quy định tại khoản 2 của Điều này chỉ có giá trị thông tin, tham khảo*”.

[3.3]. Đối chiếu với các quy định trên thấy, bà T không có lý lịch gốc; không có tên trong danh sách người lao động của Công ty chè cà phê L; không có quyết định nghỉ chờ việc; một số tài liệu là bản phô tô; một số tài liệu là bản chính, bản gốc, bản có chứng thực nhưng không thuộc thành phần hồ sơ bắt

buộc phải có; một số tài liệu bị làm giả nên không có giá trị chứng minh và không được coi là chứng cứ.

[4]. Với những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định việc BX tỉnh Hà Giang quyết định cho bà T được hưởng chế độ hưu trí tại Quyết định số 28/QĐ-BX ngày 03/01/2018 là không đúng quy định tại Thông tư 19/2008/TT-BLĐTBXH. Do đó, ngày 10/5/2019 BX tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 559/QĐ-BX về việc chấm dứt chi trả chế độ lương hưu hàng tháng đối với bà T là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, thu hồi số tiền đã chi trả theo Quyết định số 28/QĐ-BX ngày 03/01/2018 của Giám đốc BX tỉnh Hà Giang về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/02/2019, với tổng số tiền là 31.316.300 đồng mà bà T đã nhận là chính xác và có căn cứ, theo quy định tại điểm đ Điều 2 Quyết định số 1414/QĐ-BX ngày 04/10/2016 của BX Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BX địa phương có quy định: “...*từ chối chi trả các chế độ BX, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế không đúng quy định*” và điểm c khoản 1 Điều 64 Luật BX quy định: “*Có căn cứ xác định việc hưởng BX không đúng quy định của pháp luật*”.

[5] Hội đồng xét xử thấy, Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 559/QĐ-BX ngày 10/5/2019 của BX tỉnh Hà Giang là chính xác. Do đó, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà T và quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bà T tại phiên tòa. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Hội đồng xét xử cũng xét thấy: Việc bà Cán Thị T công tác tại Công ty C trước thời điểm ngày 01/01/1995 là có thật; có thời gian đóng BX tại Công ty K, Công ty B và đóng số tiền 30.000.000 đồng cho BX tỉnh Hà Giang (có phiếu thu của BX tỉnh Hà Giang cho thời gian đóng BX tự nguyện từ tháng 12/2016 đến tháng 11/2020). Do đó, BX tỉnh Hà Giang cũng cần xem xét, căn cứ các quy định của Luật BX hiện hành đang có hiệu lực pháp luật để giải quyết chế độ, đúng chính sách (nếu có) cho bà T nhằm bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Các quyết định khác của Bản án hình chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***



## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bà Cần Thị T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

[2]. Về án phí: Bà Cần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ số tiền đã tạm nộp tại Biên lai thu số AA/2018/0000047 ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang. Xác nhận bà T đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Hưng**

**Nguyễn Hải Thanh**

**Mai Anh Tài**

### **Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Anh Tài**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Văn Hưng**

**Nguyễn Hải Thanh**

**Mai Anh Tài**